

Maepifill HS

**Vữa neo cao cấp gốc xi măng không co ngót,
có độ chảy và cường độ cao**

PHẠM VI SỬ DỤNG

Maepifill HS là vữa chuyên dùng để neo thiết bị máy móc và kết cấu kim loại.

Các ứng dụng điển hình

- Neo các thiết bị máy móc, đặc biệt là những thiết bị dùng trong các ngành công nghiệp dầu khí.
- Neo vì kèo kim loại.
- Lắp các khe giữa kết cấu bê tông và bê tông đúc sẵn.
- Thi công tường chống và móng cột ngầm.
- Thi công các kết cấu bê tông sử dụng phương pháp bơm vữa bằng áp lực.
- Thi công bệ móng của máy móc, gổ cầu.

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Maepifill HS là loại vữa dạng bột trộn sẵn, chứa thành phần xi măng cường độ cao, cốt liệu mịn chọn lọc có đường kính hạt 1 mm và phụ gia đặc biệt có chất trương nở do phòng thí nghiệm của MAPEI nghiên cứu và phát triển.

Khi được trộn với nước, **Maepifill HS** chuyển thành vữa dạng lỏng, không phân tầng, có khả năng lấp các khoảng trống nhỏ và các mối liên kết.

Nhờ có phụ gia trương nở, **Maepifill HS** hoàn toàn không co ngót ở giai đoạn ninh kết (theo tiêu chuẩn

ASTM C827) và giai đoạn đóng rắn, đồng thời phát triển cường độ nén và cường độ uốn rất cao và sớm.

Maepifill HS còn có những đặc tính sau:

- Chống thấm nước rất tốt;
- Bám dính tốt vào thép và bê tông;
- Chịu tải trọng động rất tốt;
- Có module đàn hồi và hệ số giãn nở nhiệt tương đương với của bê tông chất lượng cao;
- **Maepifill HS** không chứa các cốt liệu kim loại và bột nhôm.

CÁC CHÚ Ý KHI SỬ DỤNG

- Không thêm xi măng hay các chất phụ gia vào **Maepifill HS**.
- Không cho thêm nước khi hỗn hợp đã bắt đầu ninh kết.
- Không sử dụng **Maepifill HS** nếu bao bì không còn nguyên vẹn.
- Không thi công sản phẩm **Maepifill HS** ở nhiệt độ dưới +5°C.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Chuẩn bị bề mặt thi công

- Loại bỏ phần bê tông hỏng còn bám trên bề mặt.

- Đục bỏ phần vữa yếu, làm sạch hoàn toàn bụi bẩn, dầu mỡ, vụn vữa và nước xi măng.
- Làm ướt các cạnh khe cần trám bằng nước sạch. Chỉ rót vữa khi nước đã bay hơi hoàn toàn, có thể dùng máy nén khí để thổi khô phần nước còn đọng lại nếu cần thiết.

Trộn vữa

Cho 4 lít nước vào thùng sạch và từ từ đổ **Mapefill HS** vào thùng một cách liên tục.

Trộn khoảng 1-2 phút, gạt phần bột còn bám xung quanh thùng chứa xuống và trộn thêm khoảng 2-3 phút cho đến khi đạt được một hỗn hợp đồng nhất.

Tùy vào lượng vữa cần dùng để lựa chọn máy trộn vữa chuyên dụng hoặc máy trộn cơ học. Chú ý tránh sự hình thành bọt khí trong quá trình trộn.

Không nên trộn bằng tay.

Thi công vữa (đổ vữa neo)

Đổ vữa **Mapefill HS** đã trộn từ một phía và liên tục để tránh sự hình thành bọt khí vào khu vực thích hợp với diện tích nhỏ nhất bằng 2 lần đường kính của thanh cần neo.

Bề dày của lớp vữa **Mapefill HS** nối các cấu kiện bê tông đúc sẵn và lấp các khe cứng có thể lên đến 6 cm. Không cần sử dụng đầm rung khi thi công. Đối với những khe cần lấp đặc biệt khó thi công có thể sử dụng thanh gỗ hay que sắt trợ giúp.

Đổ vữa tại những khu vực thi công phức tạp

Để lấp các khe lớn hơn kích thước đề cập ở trên, nên tham khảo ý kiến của Bộ phận kỹ thuật của MAPEI để được hỗ trợ.

Các lưu ý trước và sau khi thi công sản phẩm

- Khi thi công ở nhiệt độ khoảng +20°C, không có chú ý gì đặc biệt.
- Khi thi công trong điều kiện thời tiết nóng, không nên để vữa tiếp xúc trực tiếp ánh nắng mặt trời và nên dùng nước mát để trộn vữa.
- Trong điều kiện nhiệt độ thấp, nên dùng nước ấm khoảng + 20°C để trộn vữa.
- Sau khi thi công, vữa **Mapefill HS** cần được bảo dưỡng đúng cách; phần vữa tiếp xúc trực tiếp với không khí cần được bảo vệ để tránh hiện tượng thoát hơi nước quá nhanh dẫn đến hiện tượng rạn nứt vì co ngót, đặc biệt là khi trời nóng và/hoặc có gió to.

- Phun nước để bảo dưỡng các bề mặt tiếp xúc với không khí trong 24 tiếng đầu sau khi thi công, hoặc sử dụng chất chống bay hơi.

Vệ sinh

Rửa sạch dụng cụ với nước khi vữa còn ướt. Khi vữa đã khô, chỉ có thể làm sạch bằng phương pháp cơ học.

LƯỢNG DÙNG

Mỗi bao 25 kg **Mapefill HS** sau khi trộn sẽ được 13-14 lít vữa.

ĐÓNG GÓI

Mapefill HS được đóng trong bao 25 kg.

BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, râm mát, trong bao bì còn nguyên.

HƯỚNG DẪN AN TOÀN CHUẨN BỊ VÀ THI CÔNG SẢN PHẨM

Theo các tiêu chuẩn phân loại mức độ độc hại, **Mapefill HS** không thuộc danh mục các sản phẩm gây nguy hiểm cho người sử dụng. Tuy nhiên cần thận trọng khi làm việc với các sản phẩm hóa chất. Tài liệu an toàn sản phẩm sẽ được cung cấp theo yêu cầu của những người sử dụng có chuyên môn.

SẢN PHẨM CHUYÊN DỤNG.

CHÚ Ý

Những thông số kỹ thuật và hướng dẫn thi công sản phẩm trên đây được đúc kết từ những kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của Mapei. Vì vậy, trong mọi trường hợp, nên tuân thủ một cách nghiêm ngặt các hướng dẫn trong Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm. Nếu cần hỗ trợ bất kỳ thông tin nào, vui lòng liên lạc với Bộ phận kỹ thuật của Mapei để biết thêm chi tiết.

Chúng tôi có quyền cải tiến và thay đổi sản phẩm của mình bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo trước.

Phiên bản tiếng Việt được dịch lại dựa trên phiên bản tiếng Anh 473-4-2008.

Tất cả các tài liệu tham khảo về sản phẩm được cung cấp theo yêu cầu và ở trang web: www.mapei.com.vn

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (các giá trị tiêu biểu)

Phù hợp với tiêu chuẩn:

- EN 196-1: 1995
- ASTM C 939 - 97
- ASTM C 940 - 98
- EN 1015-3, ASTM C230

ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

Dạng sản phẩm:	Bột
Màu sắc:	Xám
Kích thước tối đa của cốt liệu (mm):	1
Hàm lượng chất rắn khô (%):	100
Hàm lượng ion clorua (%):	Không
Bảo quản:	12 tháng trong bao bì còn nguyên, ở nơi khô ráo
Phân loại mức độ độc hại theo EC 1999/45:	Không. Hàm lượng xi măng trong sản phẩm có thể gây dị ứng khi tiếp xúc với da và mắt. Cần tham khảo tài liệu an toàn kỹ thuật sản phẩm

THÔNG SỐ THI CÔNG

Màu sắc của hỗn hợp:	Xám
Tỷ lệ trộn:	25 kg Mapefill HS với 4 lít nước
Dạng sản phẩm:	Lông
Độ chảy (s) (theo tiêu chuẩn EN 1015-3, ASTM C230):	280-320 mm
Trọng lượng riêng (kg/l):	2,20-2,30
Độ pH của hỗn hợp:	> 12
Nhiệt độ thi công	Từ +5°C đến +40°C
Thời gian thi công:	60 phút

THÔNG SỐ CUỐI CÙNG

Đặc tính cơ học:	Các thí nghiệm về cường độ uốn và cường độ nén của vữa được thực hiện trên mẫu 4x4x16, làm và bảo dưỡng mẫu theo tiêu chuẩn EN 196-1. Mẫu thí nghiệm Mapefill HS được chuẩn bị sử dụng 16% nước
Cường độ nén (MPa): - 1 ngày: - 7 ngày: - 28 ngày:	> 30 > 75 > 80
Cường độ uốn (MPa): - 1 ngày: - 7 ngày: - 28 ngày:	> 5 > 8 > 10
Độ tách nước (theo tiêu chuẩn ASTM C940):	Không tách nước
Độ trương nở theo thể tích (%) (theo tiêu chuẩn ASTM C939):	0 - 3

Mapefill HS



Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép bất hợp pháp nội dung và hình ảnh trong tài liệu này.

(VN)

473-9-2015